

UBND THÀNH PHỐ HUẾ  
CÔNG TY TNHH NN MTV  
LÂM NGHIỆP TIỀN PHONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 133 /TB-CTLNTP

Huế, ngày 09 tháng 4 năm 2025

## THÔNG BÁO

### Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật số 37/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời thầu tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-CTLNTP ngày 19/02/2025 của Công ty TNHH NN MTV Lâm nghiệp Tiên Phong về việc ban hành quy trình lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản tại Công ty TNHH NN MTV Lâm nghiệp Tiên Phong;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-CTLNTP ngày 19/02/2025 của Công ty TNHH NN MTV Lâm nghiệp Tiên Phong về việc phê duyệt Phương án và Dự toán khai thác gỗ rừng trồng năm 2025 tại khoảnh 1, 4, 6 tiểu khu 129 xã Bình Thành, thị xã Hương Trà, thành phố Huế;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Công ty ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng Công ty TNHH NN MTV Lâm nghiệp Tiên Phong về việc định lại giá bán lô gỗ rừng trồng tại khoảnh 1, 4, 6 tiểu khu 129 xã Bình Thành và khoảnh 5, 6 tiểu khu 118 xã Hương Bình, thị xã Hương Trà, thành phố Huế;

Công ty TNHH NN MTV Lâm nghiệp Tiên Phong là đơn vị có tài sản đấu giá thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản là gỗ rừng trồng sản xuất như sau:

**1. Tên, địa chỉ của đơn vị có tài sản đấu giá:** Công ty TNHH NN MTV Lâm nghiệp Tiên Phong, địa chỉ: thôn Cư Chánh, phường Thủy Bằng, quận Thuận Hóa, thành phố Huế.



## 2. Tên tài sản, số lượng, giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

- Tài sản đấu giá: gỗ rừng trồng sản xuất.

- Số lượng:

+ Diện tích thiết kế khai thác 22,70ha, diện tích có sản lượng 21,30ha.

+ Tổng sản lượng thương phẩm dự kiến khai thác: 2.591,858 m<sup>3</sup>, trong đó:

\* Gỗ: 2.317,809 m<sup>3</sup>.

\* Củi: 274,049 m<sup>3</sup>.

- Loài cây khai thác: Keo lai (tên Latin: *Acacia hybrid*), Keo lá tràm (tên Latin: *Acacia auriculiformis*).

- Năm trồng: Vụ Đông năm 2016 và vụ Đông năm 2018.

- Địa điểm: Khoảnh 1, 4, 6 tiểu khu 129, xã Bình Thành, thị xã Hương Trà.

- Giá khởi điểm của tài sản đấu giá: 2.492.100.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu, một trăm ngàn đồng).

(Giá khởi điểm trên chưa bao gồm thuế, phí và không bao gồm chi phí khai thác và vận chuyển tài sản ra khỏi rừng).

## 3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Tổ chức đấu giá tài sản phải tuân thủ theo quy định của pháp luật, đảm bảo các tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 36, các điểm a, b, e, i khoản 45, điểm h khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản, Điều 33 và Phụ lục I ban hành kèm theo của Thông tư 19/2024/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15. Hồ sơ của tổ chức đấu giá tài sản nộp bao gồm các tiêu chí cụ thể như sau (Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp kèm theo bảng tự chấm điểm của đơn vị):

| STT       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mức Tối đa         |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>I</b>  | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>                                                                                                                                                                                 |                    |
| 1         | Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                                                                                      | Đủ điều kiện       |
| 2         | Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                                                                                | Không đủ điều kiện |
| <b>II</b> | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>                                                                                                                                                                     | <b>19,0</b>        |
| 1         | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                   | 10,0               |
| 1.1       | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc                                                                                                                                                               | 5,0                |
| 1.2       | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện                                                                                                                                                                                                      | 5,0                |
| 2         | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá                                                                                                                                                                                                                         | 5,0                |
| 2.1       | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                                | 2,0                |
| 2.2       | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                                                                                         | 3,0                |
| 3         | Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên. Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp. | 2,0                |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 4   | Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến                                                                                                                                                                                                                               | 1,0         |
| 5   | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1,0         |
| III | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>16,0</b> |
| 1.  | Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4,0         |
| 1.1 | Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2,0         |
| 1.2 | Bước giá, số vòng đấu khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2,0         |
| 2.  | Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)                                                                                                                                                                                                                               | 4,0         |
| 3.  | Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản tham gia đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4,0         |
| 3.1 | Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2,0         |
| 3.2 | Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định của pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2,0         |
| 4.  | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá                                                                                                                                                                                                                      | 4,0         |
| IV  | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>57,0</b> |
| 1.  | Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)<br><i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí</i>                                                                                                                                                                                                        | 15,0        |
| 1.1 | Dưới 20 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 12,0        |
| 1.2 | Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 13,0        |
| 1.3 | Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 14,0        |
| 1.4 | Từ 70 cuộc đấu giá trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 15,0        |
| 2.  | Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề<br><i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí</i>                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7,0         |
| 2.1 | Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4,0         |
| 2.2 | Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5,0         |
| 2.3 | Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6,0         |
| 2.4 | Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7,0         |
| 3.  | Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu liên quan). <i>Chỉ chọn chấm một trong các tiêu chí</i>                                                                                           | 7,0         |
| 3.1 | Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4,0         |
| 3.2 | Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5,0         |
| 3.3 | Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6,0         |
| 3.4 | Từ 50 cuộc trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7,0         |
| 4.  | Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)<br>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả | 3,0         |

100201  
CÔNG T  
HÀNH N  
THÀNH  
M NGHI  
ÊN PHO  
/A - TH

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|     | trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |     |
| 4.1 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3,0 |
| 4.2 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:<br>Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |     |
| 4.3 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức trên:<br>Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |     |
| 5.  | Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7,0 |
| 5.1 | Có thời gian hoạt động dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4,0 |
| 5.2 | Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5,0 |
| 5.3 | Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6,0 |
| 5.4 | Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7,0 |
| 6.  | Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4,0 |
| 6.1 | 01 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2,0 |
| 6.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3,0 |
| 6.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4,0 |
| 7.  | Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí | 4,0 |
| 7.1 | Dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2,0 |
| 7.2 | Từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3,0 |
| 7.3 | Từ 10 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4,0 |
| 8.  | Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5,0 |
| 8.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3,0 |
| 8.2 | Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4,0 |
| 8.3 | Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5,0 |
| 9.  | Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5,0 |

|                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |            |
|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|                     | vụ thuế với ngân sách nhà nước)<br><i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |            |
| 9.1                 | Dưới 50 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3,0        |
| 9.2                 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4,0        |
| 9.3                 | Từ 100 triệu đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5,0        |
| V                   | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b> (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)      | 8,0        |
| 1.                  | Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá<br>- Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản.<br>- Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có) | 1,0        |
| 2.                  | Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3,0        |
| 3.                  | Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.                                                                                               | 4,0        |
| <b>Tổng số điểm</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>100</b> |

#### 4. Cách thức lựa chọn đơn vị đấu giá.

Theo Điều 31 Thông tư số 19/2024/TT- BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15.

a. Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 19/2024/TT- BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại. Trường hợp có từ hai tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì Công ty sẽ xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó.

b. Trường hợp đến hết ngày nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn mà chỉ có một tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đăng ký thì Công ty xem xét, quyết định lựa chọn nếu tổ chức đó đáp ứng quy định của Luật Đấu giá tài sản, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, Thông tư số 19/2024/TT- BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp và pháp luật có liên quan.

c. Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn bao gồm:

- Đơn đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.
- Phương án đấu giá đối với tài sản đưa ra đấu giá.
- Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực, hồ sơ chứng minh năng lực, kinh nghiệm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, các hồ sơ khác tương ứng tiêu chí lựa chọn và Bảng tự chấm điểm của đơn vị theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 19/2024/TT- BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp.



### 5. Thông báo, huỷ bỏ kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

Theo điều 36 Thông tư số 19/2024/TT- BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15.

### 6. Các trường hợp người có tài sản đấu giá từ chối đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

Theo Điều 37 Thông tư số 19/2024/TT- BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15.

### 7. Trách nhiệm của người có tài sản đấu giá, cơ quan chủ quản của người có tài sản đấu giá.

Theo điều 38 Thông tư số 19/2024/TT- BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15.

### 8. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ đăng ký.

- Thời gian nhận hồ sơ: Trong giờ hành chính kể từ ngày ra thông báo cho đến 17 giờ 00 ngày 12 tháng 4 năm 2025.

- Địa điểm nhận hồ sơ: Nộp trực tiếp tại Công ty TNHH NN MTV Lâm nghiệp Tiên Phong. Địa chỉ: thôn Cư Chánh, phường Thủy Bằng, quận Thuận Hóa, thành phố Huế. (thông tin liên hệ: ông Nguyễn Viết Thọ - Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, SĐT: 0762.697.565).

Đại diện đơn vị tổ chức đấu giá đến nộp hồ sơ phải có Giấy giới thiệu của đơn vị và Căn cước công dân. Hồ sơ đăng ký của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải được niêm phong khi nộp hồ sơ đăng ký. Công ty sẽ có thông báo kết quả cho tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn, các đơn vị không được thông báo kết quả là không được lựa chọn (*Lưu ý: Hồ sơ đăng ký không được lựa chọn Công ty sẽ không hoàn trả lại*).

Công ty TNHH NN MTV Lâm nghiệp Tiên Phong thông báo đề các tổ chức đấu giá tài sản biết, đăng ký tham gia theo quy định./.

#### Nơi nhận:

- Cổng TTĐT quốc gia về đấu giá (để đăng thông báo);
- Trang Thông tin điện tử Công ty (để thông báo);
- Niêm yết tại Văn phòng Công ty;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH CÔNG TY**



*Bàn Thất Ái Tín*